TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA
VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI MIỀN NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 11 năm 2026

Dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch phân phối, sử dụng nước trong công trình thủy lợi, phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng vùng Đồng bằng sông Cửu Long mùa lũ năm 2026

BẢN TIN TUẦN 19
DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC ĐẾN NGÀY 04/11/2026, DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC TỪ NGÀY 05/11 ĐẾN NGÀY 14/11/2026

I DIỄN BIẾN THỜI TIẾT, SẢN XUẤT, NGUỒN NƯỚC ĐẾN NGÀY 04/11/2026

1.1 Diễn biến thời tiết

1.1.1 Diễn biến mưa trên lưu vực sông Mê Công

Theo kết quả quan trắc của Trung tâm Đại dương và Khí quyển Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA): Đặc trưng thời tiết từ ngày 28/10 – 03/11/2026, trên lưu vực sông Mê Công ảnh hưởng chủ yếu bởi gió mùa Tây Nam. Hình thái thời tiết này gây mưa ở mức thấp trên lưu vực, lượng mưa biến đổi phổ biến từ 5 – 50 mm, chỉ một số nơi trên 50 mm, [xem Hình 2].

1.1.2 Diễn biến mưa trên vùng ĐBSCL

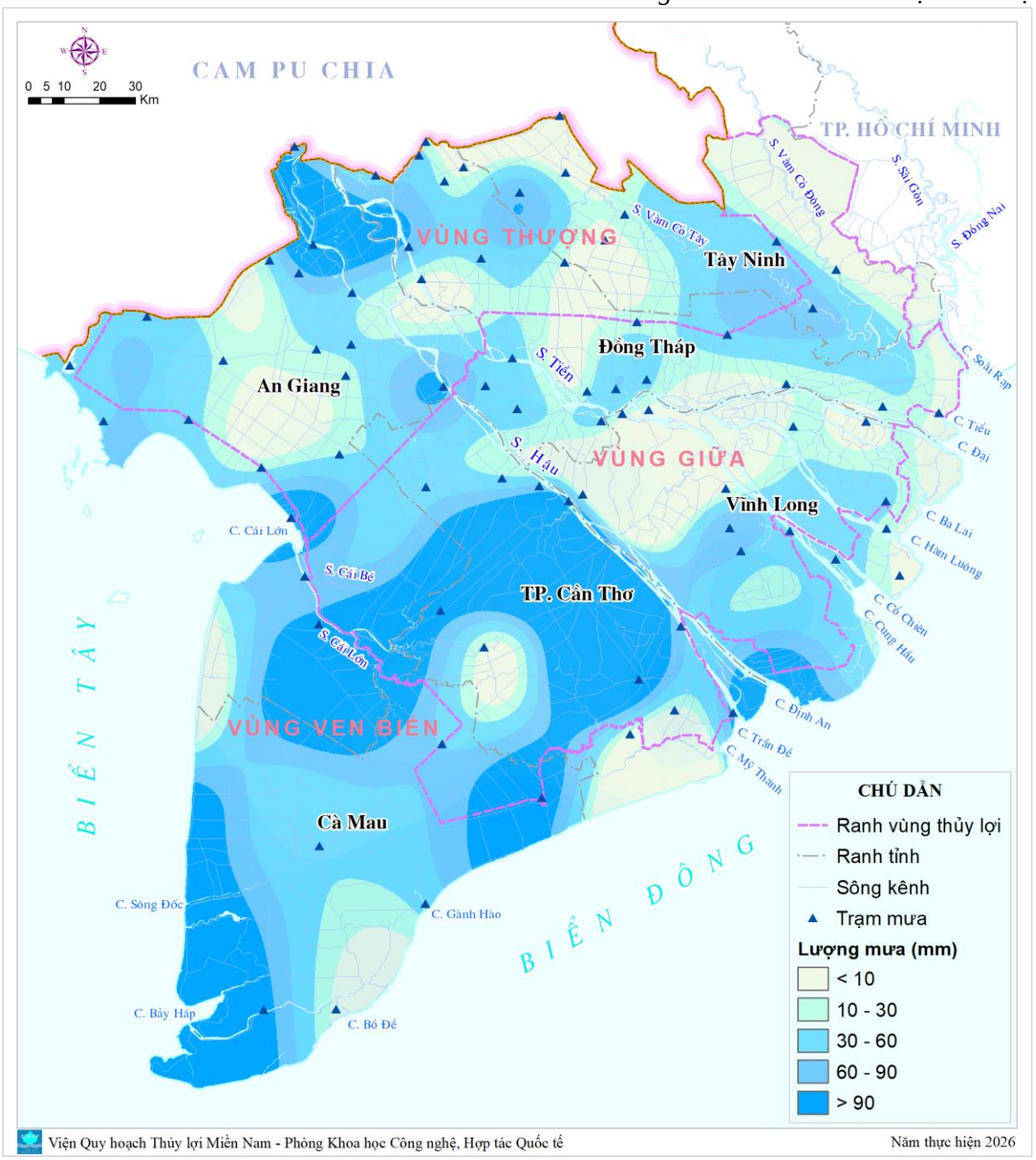
Lượng mưa lũy tích từ ngày 29/10 - 04/11/2026 trên vùng ĐBSCL ở mức trung bình biến đổi từ 30 - 90 mm, chỉ riêng khu vực Bán đảo Cà Mau lượng mưa nhiều trạm cao hơn 90 mm, điển hình trạm Sóc Trăng (tỉnh Cần Thơ) lượng mưa 155,0 mm, trạm Rạch Giá (tỉnh An Giang) lượng mưa 130,8 mm, [xem Bảng 1 và Hình 1].

Bảng 1. Lượng mưa ngày thực đo tuần qua tại các trạm chính trên vùng ĐBSCL

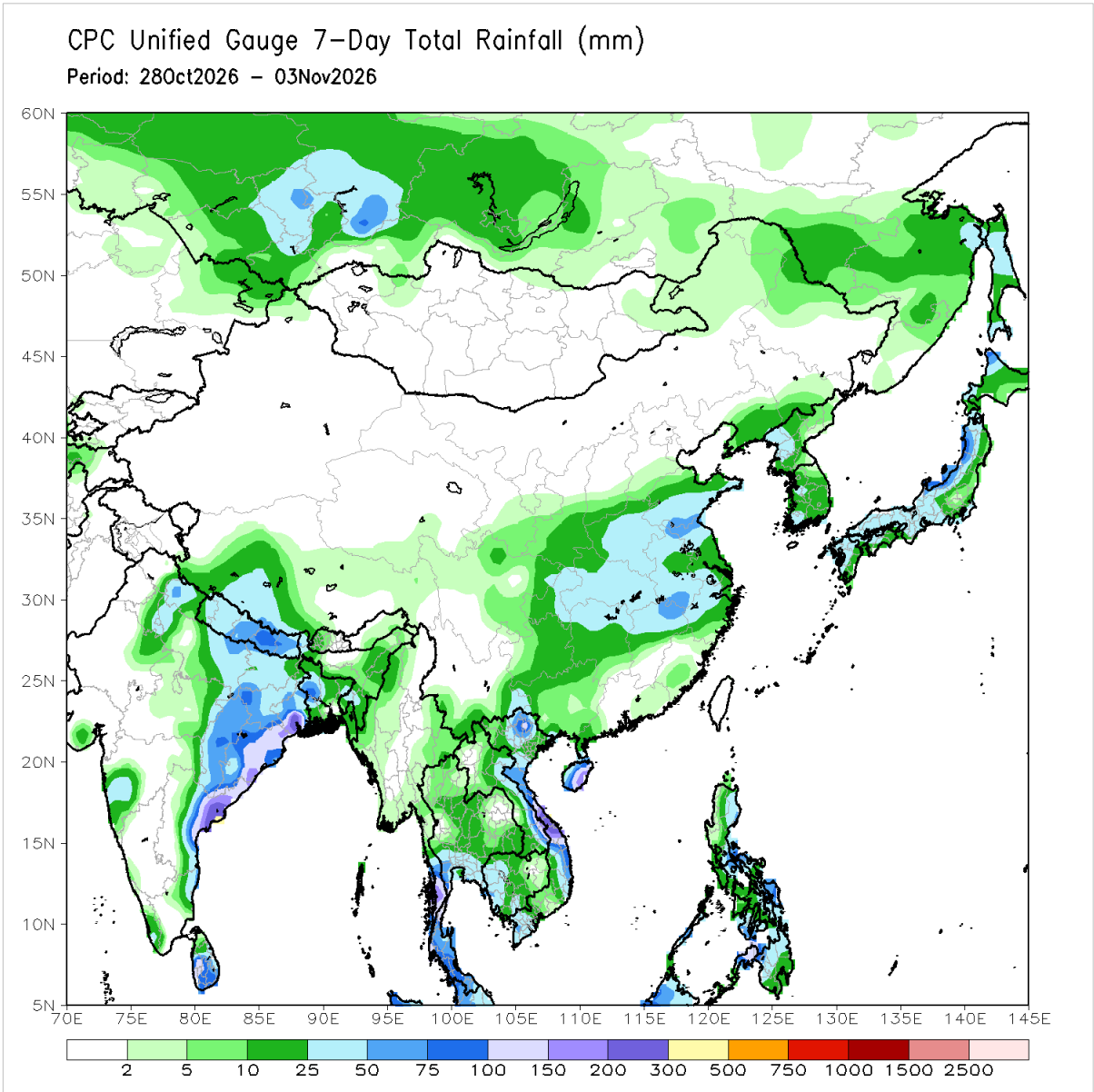
TT	Trạm	Tỉnh	Mưa thực đo (mm)							Lũy tích tuần
			29/10	30/10	31/10	01/11	02/11	03/11	04/11	
1	Mộc Hóa	Tây Ninh	0,0	0,0	13,6	0,0	5,4	0,0	1,6	**20,6**
2	Mỹ Tho	Đồng Tháp	0,0	1,6	0,2	0,0	9,8	0,0	0,0	**11,6**
3	Bến Tre	Vĩnh Long	0,0	8,0	1,2	0,2	5,4	0,0	0,0	**14,8**
4	Trà Vinh	Vĩnh Long	0,0	26,5	10,4	0,8	9,6	3,7	0,0	**51,0**
5	Vĩnh Long	Vĩnh Long	2,4	1,0	1,4	0,8	12,4	0,2	0,0	**18,2**

TT	Trạm	Tỉnh	Mưa thực đo (mm)							Lũy tích tuần
			29/10	30/10	31/10	01/11	02/11	03/11	04/11	
6	Cao Lãnh	Cần Thơ	1,2	0,0	0,8	1,0	2,4	10,0	26,0	**41,4**
7	Vị Thanh	Cần Thơ	0,0	41,0	23,6	18,8	19,8	1,4	8,6	**113,2**
8	Cần Thơ	Cần Thơ	0,0	6,4	14,8	9,8	50,0	3,2	19,6	**103,8**
9	Sóc Trăng	Cần Thơ	3,6	93,4	0,2	25,6	21,4	10,8	0,0	**155,0**
10	Rạch Giá	An Giang	30,8	8,2	4,8	10,6	51,4	24,6	0,4	**130,8**
11	Bạc Liêu	Cà Mau	5,2	34,0	0,4	74,0	2,6	0,6	0,0	**116,8**
12	Cà Mau	Cà Mau	13,0	14,4	0,6	5,7	0,0	0,0	0,0	**33,7**
Trung bình			**4,7**	**19,5**	**6,0**	**12,3**	**15,9**	**4,5**	**4,7**	**67,6**

Nguồn: Đài KTTV Khu vực Nam bộ



Hình 1. Bản đồ mưa lũy tích từ ngày 29/10 – 04/11/2026 trên vùng ĐBSCL

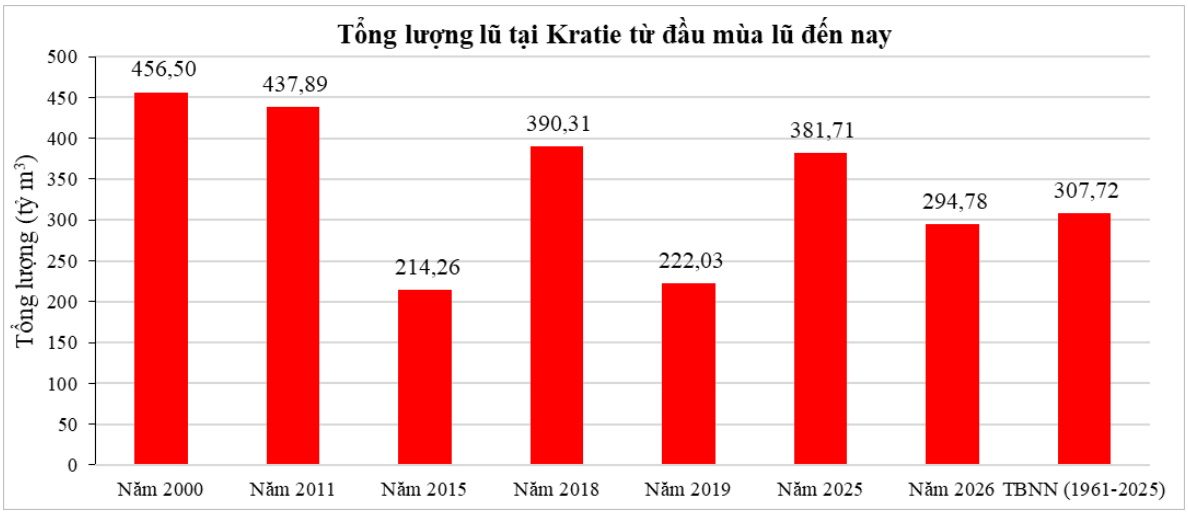


Nguồn: http://www.cpc.ncep.noaa.gov

Hình 2. Bản đồ mưa lũy tích tuần từ ngày 28/10 – 03/11/2026 trên lưu vực sông Mê Công

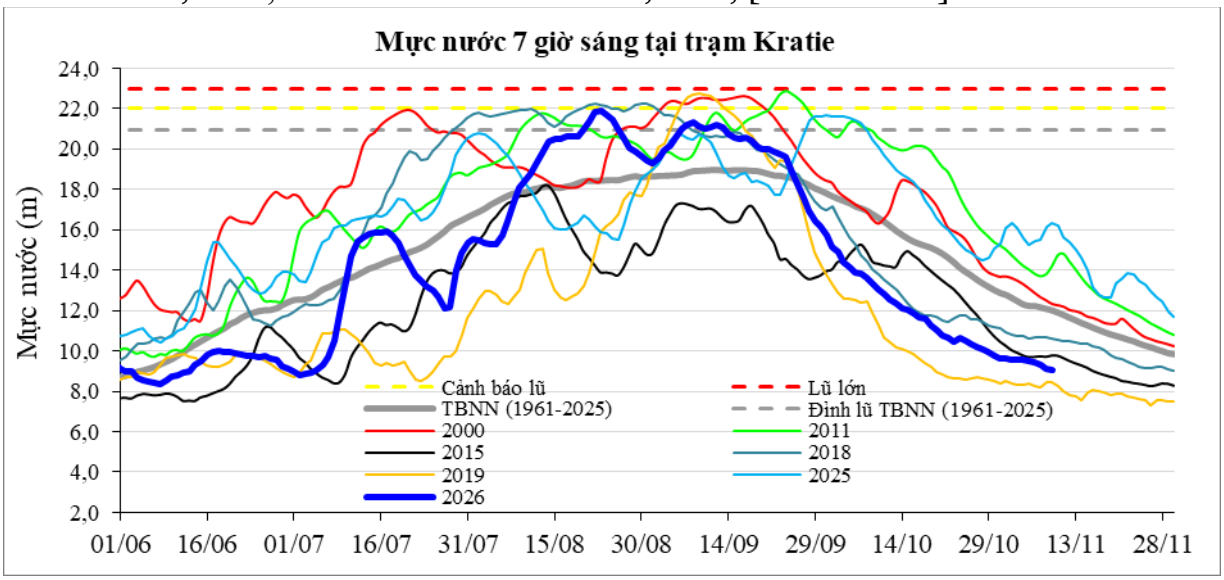
1.2 Diễn biến nguồn nước vào vùng ĐBSCL đến ngày 04/11/2026

Tại Kratie: Tổng lượng lũ từ ngày 01/6 đến 05/11/2026 tại Kratie đạt khoảng 294,78 tỷ m^3. So với cùng kỳ: nhỏ hơn TBNN (1961-2025) khoảng 4%; nhỏ hơn năm 2025 khoảng 23%; nhưng vẫn còn lớn hơn khá nhiều các năm 2019 và 2015, [xem Hình 3].



Hình 3. Tổng lượng lũ tại Kratie từ 01/6 đến ngày 05/11/2026

Mực nước tại Kratie trong tuần qua có xu thế giảm với cường suất trung bình 3,8 cm/ngày. Đến ngày 05/11/2026 mực nước lúc 7 giờ đo được tại Kratie là 9,53 m. So với cùng kỳ: thấp hơn nhiều TBNN (1961-2025) và năm 2025; thấp hơn năm 2015 0,18 m; chỉ cao hơn năm 2019 1,15 m, [xem Hình 4].

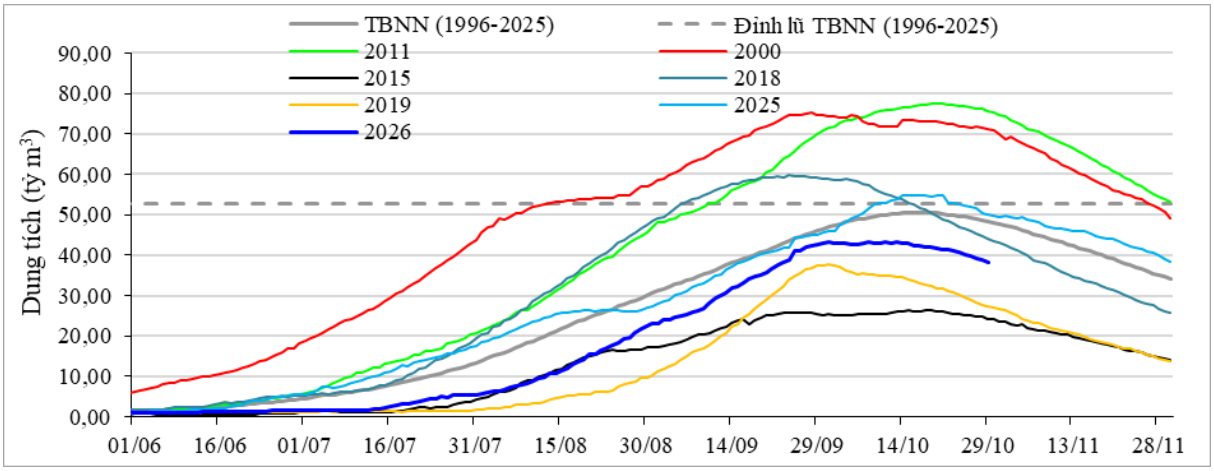


Hình 4. Diễn biến mực nước tại Kratie đến ngày 05/11/2026

Tại Biển Hồ: Dung tích Biển Hồ tuần qua ở mức thấp và có xu thế giảm với cường suất trung bình 0,48 tỷ m^3/ngày. Đến ngày 05/11/2026 dung tích đạt 34,88 tỷ m^3; so với cùng kỳ: nhỏ hơn TBNN (1996-2025) khoảng 24%; nhỏ hơn năm 2025 khoảng 29%; nhưng vẫn còn lớn hơn khá nhiều các năm 2019 và 2015, [xem Bảng 2 và Hình 5].

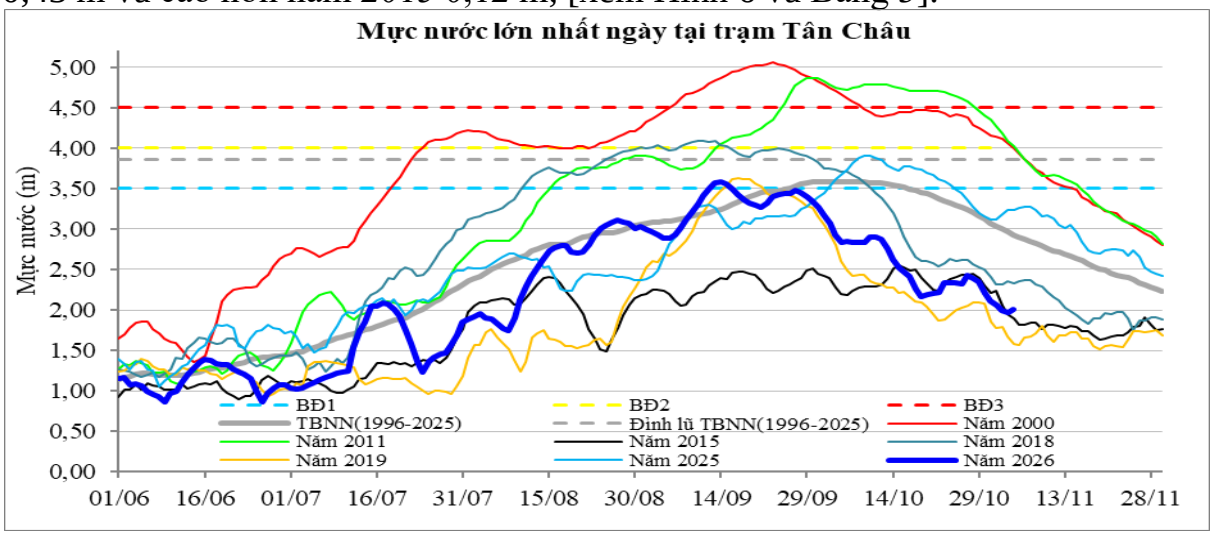
Bảng 2. Mực nước và dung tích Biển Hồ đến ngày 29/10/2026 so với cùng kỳ các năm điển hình

TT	Đặc trưng mực nước & dung tích	Mực nước và dung tích Biển Hồ							
		2026	2025	2019	2018	2015	2011	2000	TBNN (1996-2025)
1	Mực nước (m)	6,93	8,26	5,66	7,42	5,45	10,08	9,75	7,99
	So sánh cùng kỳ các năm		*-1,33*	*1,27*	*-0,49*	*1,48*	*-3,15*	*-2,82*	*-1,06*
2	Dung tích (tỷ m^3)	34,88	48,86	23,74	39,86	22,09	71,28	66,98	45,76
	So sánh cùng kỳ các năm		*-13,98*	*11,14*	*-4,98*	*12,79*	*-36,40*	*-32,10*	*-10,88*



Hình 5. Diễn biến dung tích Biển Hồ đến ngày 29/10/2026

Tại Tân Châu: Mực nước chịu ảnh hưởng bởi cả lũ thượng nguồn và thủy triều. Mực nước tại trạm Tân Châu trong tuần qua có xu thế giảm với cường suất trung bình 6,0 cm/ngày. Mực nước lớn nhất ngày 04/11/2026 đạt 2,01 m. So với cùng kỳ: thấp hơn nhiều TBNN (1996-2025) và năm 2025; chỉ cao hơn năm 2019 0,43 m và cao hơn năm 2015 0,12 m, [xem Hình 6 và Bảng 3].



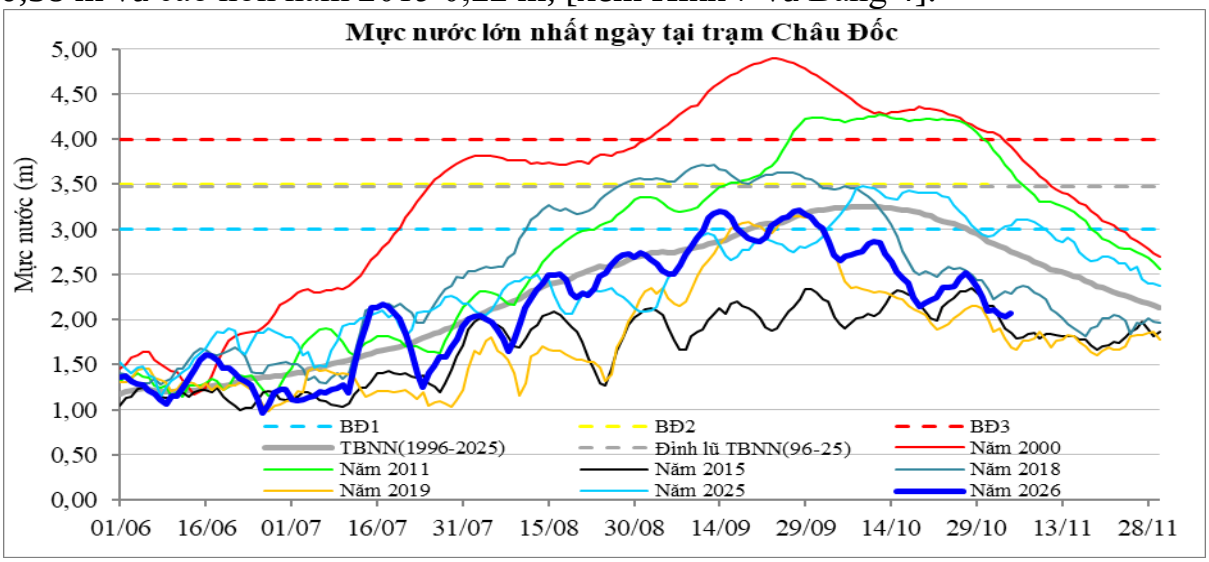
Hình 6. Diễn biến mực nước Max ngày tại trạm Tân Châu đến ngày 04/11/2026

Bảng 3. Mực nước Max ngày tuần qua tại trạm Tân Châu năm 2026 so với cùng kỳ các năm điển hình

Đơn vị: m

Ngày	2026	2025	2019	2018	2015	2011	2000	Hmax ngày TBNN (1996-2025)	Chênh lệch 2026-TBNN	Chênh lệch 2026-2025
29/10	2,35	3,20	2,09	2,52	2,39	4,46	4,24	3,16	-0,81	-0,85
30/10	2,21	3,15	2,08	2,50	2,30	4,41	4,21	3,12	-0,91	-0,94
31/10	2,11	3,12	1,86	2,41	2,21	4,35	4,15	3,07	-0,96	-1,01
01/11	2,06	3,12	1,78	2,31	2,23	4,27	4,14	3,03	-0,97	-1,06
02/11	1,99	3,18	1,79	2,32	2,05	4,18	4,12	3,00	-1,01	-1,19
03/11	1,97	3,23	1,67	2,36	1,95	4,09	4,06	2,97	-1,00	-1,26
04/11	2,01	3,24	1,58	2,33	1,89	4,02	3,99	2,93	-0,92	-1,23

Tại Châu Đốc: Mực nước chịu ảnh hưởng bởi cả lũ thượng nguồn và thủy triều. Mực nước tại trạm Châu Đốc trong tuần qua có xu thế giảm với cường suất trung bình 5,0 cm/ngày. Mực nước lớn nhất ngày 04/11/2026 đạt 2,07 m. So với cùng kỳ: thấp hơn nhiều TBNN (1996-2025) và năm 2025; chỉ cao hơn năm 2019 0,38 m và cao hơn năm 2015 0,22 m, [xem Hình 7 và Bảng 4].



Hình 7. Diễn biến mực nước Max ngày tại trạm Châu Đốc đến ngày 04/11/2026

Bảng 4. Mực nước Max ngày tuần qua tại trạm Châu Đốc năm 2026 so với cùng kỳ các năm điển hình

Đơn vị: m

Ngày	2026	2025	2019	2018	2015	2011	2000	Hmax ngày TBNN (1996-2025)	Chênh lệch 2026-TBNN	Chênh lệch 2026-2025
29/10	2,36	3,00	2,15	2,44	2,30	4,07	4,13	2,95	-0,59	-0,64
30/10	2,25	2,95	2,13	2,44	2,25	4,02	4,10	2,92	-0,67	-0,70
31/10	2,10	2,92	2,00	2,34	2,15	3,96	4,07	2,87	-0,77	-0,82
01/11	2,11	2,93	1,87	2,23	2,15	3,88	4,07	2,83	-0,72	-0,82
02/11	2,06	2,99	1,90	2,27	2,00	3,80	4,04	2,82	-0,76	-0,93

Ngày	2026	2025	2019	2018	2015	2011	2000	Hmax ngày TBNN (1996-2025)	Chênh lệch 2026-TBNN	Chênh lệch 2026-2025
03/11	2,03	3,03	1,79	2,31	1,90	3,71	3,98	2,79	-0,76	-1,00
04/11	2,07	3,04	1,69	2,29	1,85	3,64	3,91	2,75	-0,68	-0,97

1.3 Diễn biến mực nước nội đồng vùng ĐBSCL

1.3.1 Vùng Thượng ĐBSCL

Mực nước trong tuần qua có xu thế giảm với cường suất trung bình 4,5 cm/ngày, mực nước phổ biến ở mức thấp hơn nhiều so với mức BĐI, chỉ một số trạm mực nước vẫn duy trì trên BĐI, [xem Bảng 5].

Bảng 5. Diễn biến mực nước Max ngày tuần qua (22/10-28/10/2026) trên vùng Thượng ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
1	Tân Châu*	P. Tân Châu	An Giang	S. Tiền	2,35→1,97	↓
2	Châu Đốc*	P. Châu Đốc	An Giang	S. Hậu	2,36→2,03	↓
3	Sông Trăng	Hưng Điền	Tây Ninh	K. Sông Trăng	-	
4	Vàm Đồn	Khánh Hưng	Tây Ninh	K. Cái Cỏ	1,57→1,37	↓
5	Tân Hưng	Tân Hưng	Tây Ninh	K. Hồng Ngự - LA	1,80→1,60	↓
6	Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng	Tây Ninh	K. 28	1,77→1,57	↓
7	Mộc Hoá	Mộc Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,35→1,23	↓
8	Tuyên Nhơn	Thạnh Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,17→1,05	↓
9	T.Thới Hậu A	P. Thường Lạc	Đồng Tháp	S. Sở Thượng	2,38→2,02	↓
10	Dinh Bà	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Sở Hạ	2,01→1,74	↓
11	Tân Hồng	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	-	
12	Tân Công Sính	Tràm Chim	Đồng Tháp	K. Hồng Kỳ	-	
13	An Long	An Long	Đồng Tháp	K. Đồng Tiến	2,31→2,02	↓
14	Trường Xuân	Trường Xuân	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	1,76→1,58	↓
15	Mỹ An	Tháp Mười	Đồng Tháp	K. NV Tiếp	1,66→1,43	↓
16	Xuân Tô	P. Tịnh Biên	An Giang	K. Vĩnh Tế	1,54→1,20	↓
17	Khánh An	An Phú	An Giang	S. Bình Ghi	2,67→2,22	↓
18	Tri Tôn	Tri Tôn	An Giang	K. Tri Tôn	1,25→1,10	↓
19	Vàm Nao	Phú Tân	An Giang	S. Vàm Nao	2,26→1,92	↓
20	Long Xuyên	P. Long Xuyên	An Giang	S. Hậu	2,33→1,94	↓
21	Núi Sập	Thoại Sơn	An Giang	K. RG - Long Xuyên	1,39→1,27	↓
22	Vĩnh Điều	Giang Thành	An Giang	K. Vĩnh Tế	1,13→1,03	↓
23	Hòa Điền	Kiên Lương	An Giang	K. RG - Hà Tiên	-	
24	Ba Thê	Hòn Đất	An Giang	K. Ba Thê	-	

*Ghi chú: * số liệu dự báo của Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia; -: Không có số liệu*
Trong cột H_max thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

1.3.2 Vùng Giữa ĐBSCL

Mực nước trong tuần qua giảm mạnh theo triều với cường suất trung bình 6,5 cm/ngày xuống mức thấp. Chỉ riêng khu vực các trạm Vị Thanh, Phụng Hiệp

(Tp. Cần Thơ) và Phước Long (tỉnh Cà Mau) mực nước duy trì ở mức cao trên BĐIII, [xem Bảng 6].

Bảng 6. Diễn biến mực nước Max ngày tuần qua (22/10-28/10/2026) trên vùng Giữa ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
1	Cần Thơ	P. Cái Khế	Cần Thơ	S. Hậu	2,03→1,37	↓
2	Mỹ Thuận	P. Tân Ngãi	Vĩnh Long	S. Tiền	1,89→1,39	↓
3	Tân Lập	Tân Long	Tây Ninh	K. Bo Bo	-	
4	Bến Lức	Bến Lức	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Đông	1,51→1,12	↓
5	Tân An	P. Long An	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,75→1,24	↓
6	Cai Lậy	Cai Lậy	Đồng Tháp	K. 12	1,61→1,30	↓
7	Long Định	Long Định	Đồng Tháp	K. Nguyễn Tấn Thành	1,51→1,10	↓
8	Mỹ Tho	P. Mỹ Tho	Đồng Tháp	S. Tiền	1,78→1,11	↓
9	Vàm Kênh	Gò Công Đông	Đồng Tháp	S. Cửa Tiểu	1,53→1,21	↓
10	Chợ Lách	Chợ Lách	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,90→1,32	↓
11	Mỹ Hóa	P. Bến Tre	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,71→1,16	↓
12	G1	Châu Thành	Vĩnh Long	S. Giao Hòa	-	
13	Cao Lãnh	Cao Lãnh	Đồng Tháp	S. Tiền	2,15→1,75	↓
14	Lai Vung	Lai Vung	Đồng Tháp	K. Hòa Long	2,18→1,88	↓
15	Ba Càng	Tam Bình	Vĩnh Long	S. Ba Càng	-	
16	G2	Quới An	Vĩnh Long	S. Măng Thít	-	
17	G3	Trà Ôn	Vĩnh Long	S. Măng Thít	-	
18	G4	Tân An	Vĩnh Long	S. An Trường	-	
19	Tân Hiệp	Tân Hiệp	An Giang	K. Cái Sắn	0,88→0,90	
20	Ô Môn	P. Ô Môn	Cần Thơ	K. Ô Môn	-	
21	Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	Cần Thơ	K. Thốt Nốt	1,17→1,15	↓
22	Vị Thanh	P. Vị Thanh	Cần Thơ	K. Xà No	0,98→0,86	↓
23	Phụng Hiệp	P. Ngã Bảy	Cần Thơ	S. Cái Côn	1,72→1,35	↓
24	Đại Ngãi	Long Phú	Cần Thơ	S. Hậu	1,93→1,20	↓
25	G5	P. Ngã Năm	Cần Thơ	K. QL - Phụng Hiệp	-	
26	Phước Long	Phước Long	Cà Mau	K. QL - Phụng Hiệp	1,02→1,06	↑
27	Giồng Riềng	Giồng Riềng	An Giang	K. Nước Mặn	-	

Ghi chú: - Không có số liệu

Trong cột H_max thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

1.3.3 Vùng Ven Biển ĐBSCL

Mực nước trong tuần qua giảm mạnh theo triều với cường suất trung bình 5,5 cm/ngày xuống mức thấp, chỉ riêng trạm Cà Mau (tỉnh Cà Mau) mực nước duy trì trên BĐIII, [xem Bảng 7].

Bảng 7. Diễn biến mực nước Max ngày tuần qua (22/10-28/10/2026) trên vùng Ven Biển ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
1	Bình Đại	Bình Đại	Vĩnh Long	S. Cửa Đại	1,72→1,38	↓
2	An Thuận	Tân Thủy	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,70→1,35	↓
3	Bến Trại	Thạnh Phong	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,81→1,19	↓
4	Trà Vinh	P. Hòa Thuận	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,96→1,52	↓
5	VB1	Đôn Châu	Vĩnh Long	K. Quan Chánh Bố	-	
6	Trần Đề	Trần Đề	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	2,32→1,42	↓
7	VB2	P. Khánh Hòa	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	-	
8	VB4	Giá Rai	Cà Mau	K. CM - Bạc Liêu	-	
9	VB3	P. Bạc Liêu	Cà Mau	S. Bạc Liêu	-	
10	Cà Mau	P. Lý Văn Lâm	Cà Mau	S. Gành Hào	1,26→1,11	↓
11	Năm Căn	Ngọc Hiển	Cà Mau	S. Cửa Lớn	1,80→1,21	↓
12	Sông Đốc	Trần Văn Thời	Cà Mau	S. Ông Đốc	1,14→0,81	↓
13	VB5	Thới Bình	Cà Mau	S. Trẹm	-	
14	Rạch Giá	P. Rạch Giá	An Giang	S. Kiên	0,72→0,51	↓
15	Xẻo Rô	Châu Thành	An Giang	S. Cái Lớn	0,89→0,47	↓
16	Vàm Răng	Hòn Đất	An Giang	K. RG - Hà Tiên	0,89→0,94	↑
17	Vàm Rầy	Hòn Đất	An Giang	K. HT - Rạch Giá	1,08→0,97	↓
18	VB7	An Minh	An Giang	K. Cán Gáo	-	
19	VB6	Vĩnh Thuận	An Giang	S. Cái Lớn	-	

Ghi chú: - Không có số liệu

Trong cột H_max thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

1.4 Diễn biến sản xuất lúa

Năm 2026, kế hoạch xuống giống lúa Thu Đông trên ĐBSCL là 763.601 ha (bao gồm cả phần diện tích ngoài vùng ĐBSCL của tỉnh Tây Ninh, chưa tách riêng được phần sản xuất lúa tại vùng ĐBSCL). Đến ngày 30/10/2026, đã xuống giống được 664.810 ha (tương đương 87% so với kế hoạch). Trừ Cà Mau, các tỉnh đã thực hiện thu hoạch được 186.200 ha, khoảng 28% diện tích xuống giống.

Kế hoạch xuống giống vụ lúa Đông Xuân 2026 – 2027 của các tỉnh có xu thế ít hơn so với vụ năm 2025 – 2026. Hiện tại, ngoại trừ Vĩnh Long, toàn vùng đã xuống giống được khoảng 111.767 ha [xem 0].

Diễn biến sản xuất vụ lúa Hè Thu và Thu Đông đến ngày 30/10/2026

TT	**Địa phương**	**Vụ Thu Đông (ha)**				**Vụ Đông Xuân (ha)**	

		Kế hoạch xuống giống	Xuống giống	Thu hoạch	Chưa thu hoạch	Kế hoạch xuống giống	Xuống giống
1	Tây Ninh*	124.500	99.006	27.747	71.260	280.000	35.991
2	Đồng Tháp	149.500	126.148	89.142	37.005	220.131	50.933
3	Vĩnh Long	109.600	92.770	1.650	91.120	99.570	-
4	An Giang**	247.700	215.778	17.393	198.385		2.574
5	Cần Thơ	98.250	99.764	50.268	49.496	291.300	12.862
6	Cà Mau	34.051	31.345	-	31.345	94.132	9.407
Tổng		**763.601**	**664.810**	**186.200**	**478.611**	**985.133**	**111.767**

** Diện tích sản xuất của cả tỉnh Tây Ninh sau sáp nhập*

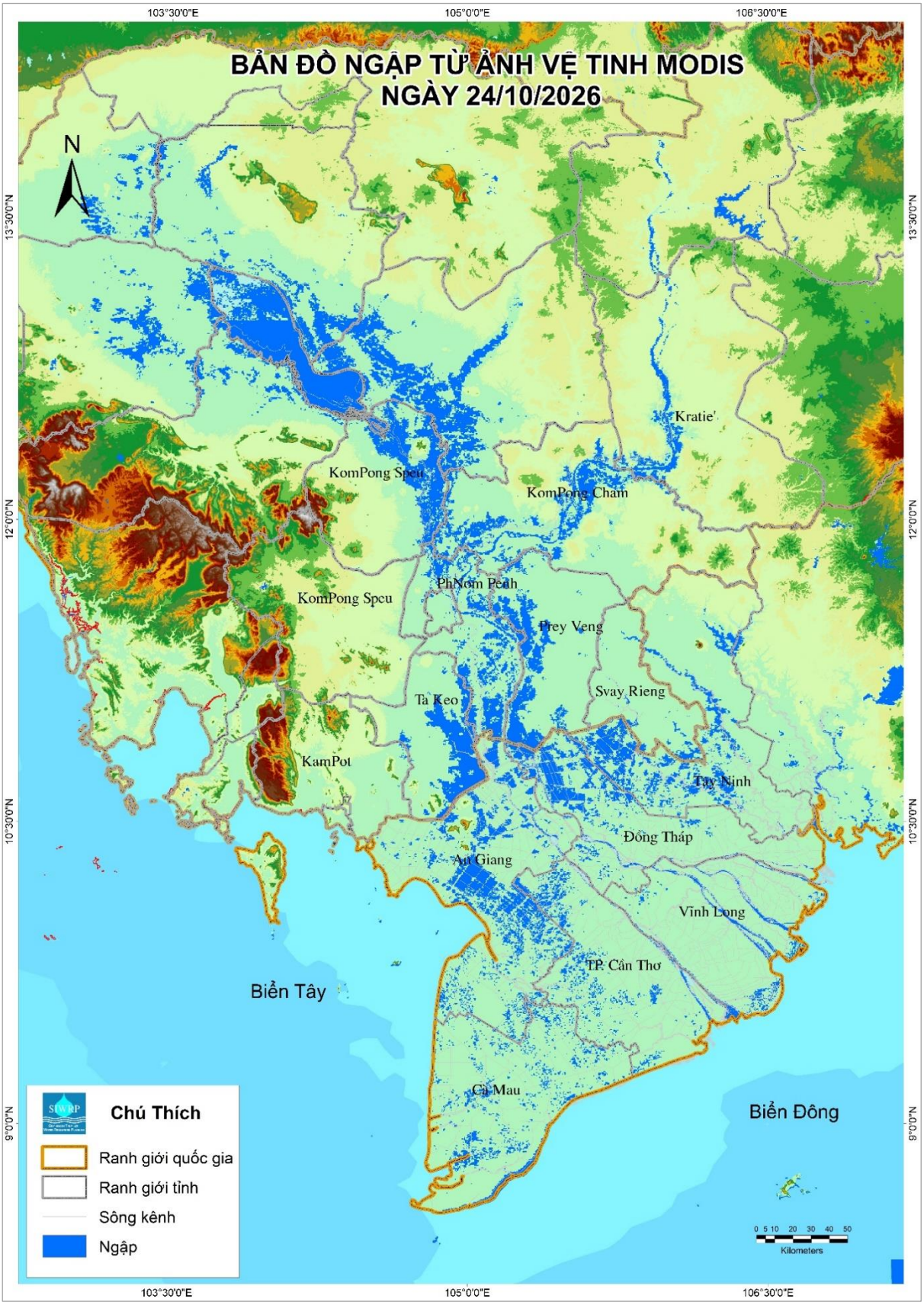
*** Chưa có số liệu kế hoạch xuống giống vụ Đông Xuân 2026 – 2027*

Nguồn: Cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1.5 Tình hình ngập úng, thiệt hại do mưa, lũ và triều cường

Kết quả giải đoán ảnh vệ tinh MODIS ngày 24/10/2026 cho thấy, trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công diện tích ngập vẫn duy trì ở mức cao trên các khu vực ven sông thuộc 2 tỉnh Prey Veng và Takeo của Campuachia. Riêng vùng ĐBSCL diện tích ngập đã có xu thế giảm so với các ảnh ngập trước đây đặc biệt trên khu vực ĐTM thuộc tỉnh Tây Ninh và Đồng Tháp do lũ giảm người dân chủ động bơm vợi để xuống giống vụ Đông Xuân.

Một số khu vực thuộc các tỉnh Cà Mau, An Giang, Vĩnh Long xuất hiện các điểm ngập nước là do nuôi trồng thủy sản ở các khu vực ven biển, [xem Hình 8].

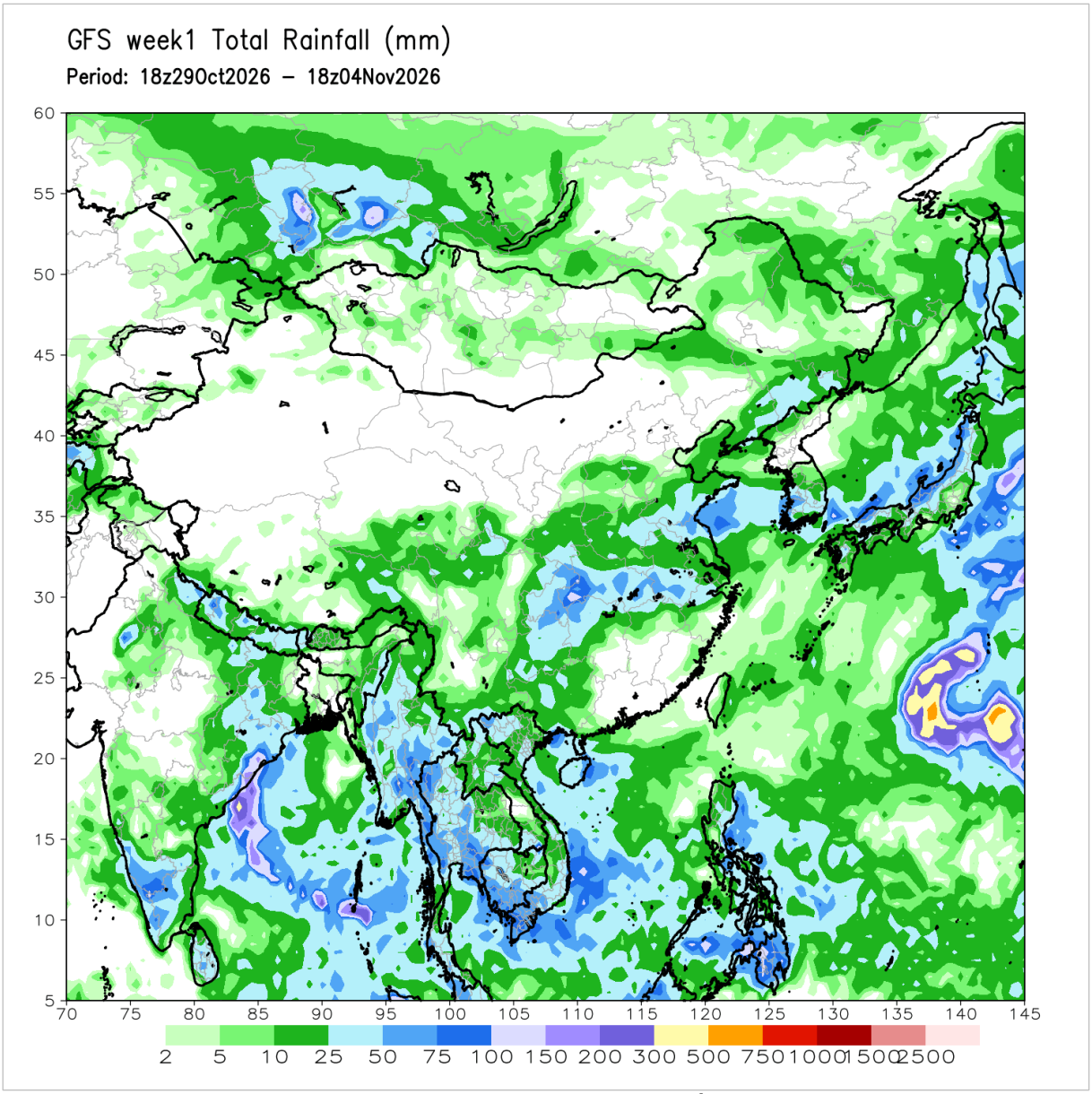


Hình 8. Bản đồ ngập giải đoán từ ảnh vệ tinh MODIS chụp ngày 24/10/2026

II DỰ BÁO MƯA, LŨ THƯỢNG NGUỒN VÀ THỦY TRIỀU

2.1 Dự báo mưa trên lưu vực sông Mê Công

Theo kết quả dự báo của Trung tâm Đại dương và Khí quyển Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA): Lượng mưa ngày dự báo tuần tới trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công ở mức thấp, phổ biến dưới 50 mm, chỉ một số nơi trên 50 mm, [xem Hình 9].



Nguồn: http://www.cpc.ncep.noaa.gov

Hình 9. Dự báo mưa lũy tích tuần tới từ ngày 05/11 - 11/11/2026 khu vực hạ lưu sông Mê Công

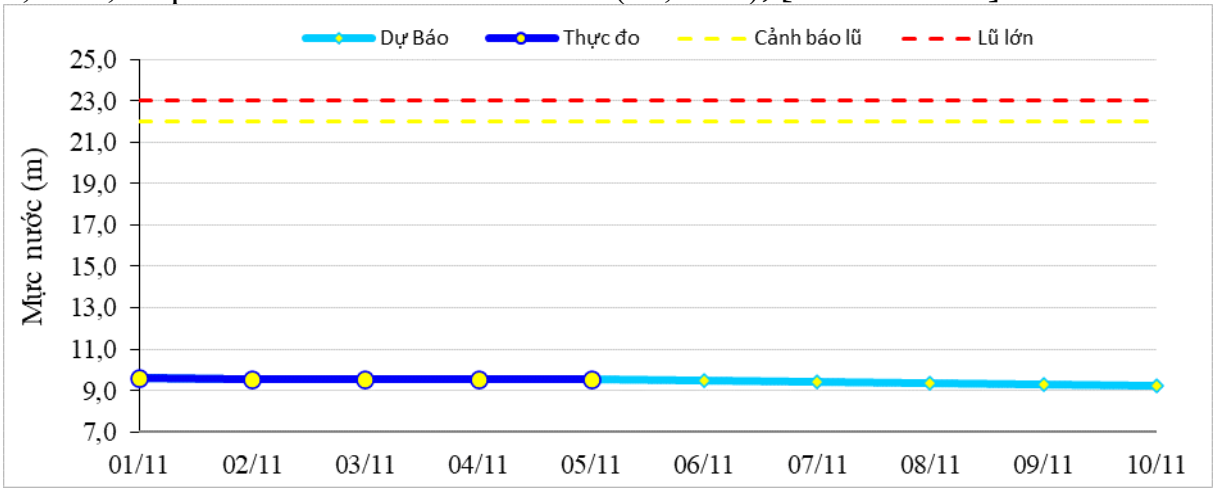
Theo kết quả Downscaling từ mô hình dự báo mưa toàn cầu NOAA, mưa dự báo trên vùng ĐBSCL lũy tích trong 7 ngày tới ở mức thấp phổ biến từ 10-60 mm, lượng mưa cao nhất tập trung vào ngày 12/11, [xem Bảng 8].

Bảng 8. Dự báo mưa 7 ngày tới tại một số trạm chính trên vùng ĐBSCL

TT	Trạm	Tỉnh	Mưa dự báo (mm)							Lũy tích tuần
			06/11	**07/11**	**08/11**	**09/11**	**10/11**	**11/11**	**12/11**	
1	Mộc Hóa	Tây Ninh	4,3	1,6	4,6	6,3	0,9	1,4	7,1	**26,2**
2	Mỹ Tho	Đồng Tháp	1,6	1,9	2,3	7,7	1,1	5,4	7,9	**27,9**
3	Bến Tre	Vĩnh Long	1,1	0,7	1,8	3,3	1,7	5,9	7,6	**22,1**
4	Trà Vinh	Vĩnh Long	0,1	1,1	6,5	1,3	2,5	3,1	8,6	**23,4**
5	Vĩnh Long	Vĩnh Long	4,6	0,7	2,4	2,7	1,1	3,6	7,5	**22,6**
6	Cao Lãnh	Cần Thơ	4,6	1,3	4,4	2,5	0,6	2,2	6,8	**22,3**
7	Vị Thanh	Cần Thơ	2,3	3,9	8,8	3,0	1,7	3,6	4,0	**27,2**
8	Cần Thơ	Cần Thơ	2,2	2,6	4,4	1,7	0,9	2,7	4,6	**19,1**
9	Sóc Trăng	Cần Thơ	0,3	2,6	12,9	1,8	4,2	4,3	12,2	**38,2**
10	Rạch Giá	An Giang	7,2	2,7	12,1	4,4	1,4	4,5	4,0	**36,4**
11	Bạc Liêu	Cà Mau	0,1	6,1	9,7	3,2	9,8	11,3	16,2	**56,4**
12	Cà Mau	Cà Mau	1,5	8,6	15,9	3,8	7,3	6,3	17,5	**60,9**
Trung bình			**2,5**	**2,8**	**7,1**	**3,5**	**2,8**	**4,5**	**8,7**	**31,9**

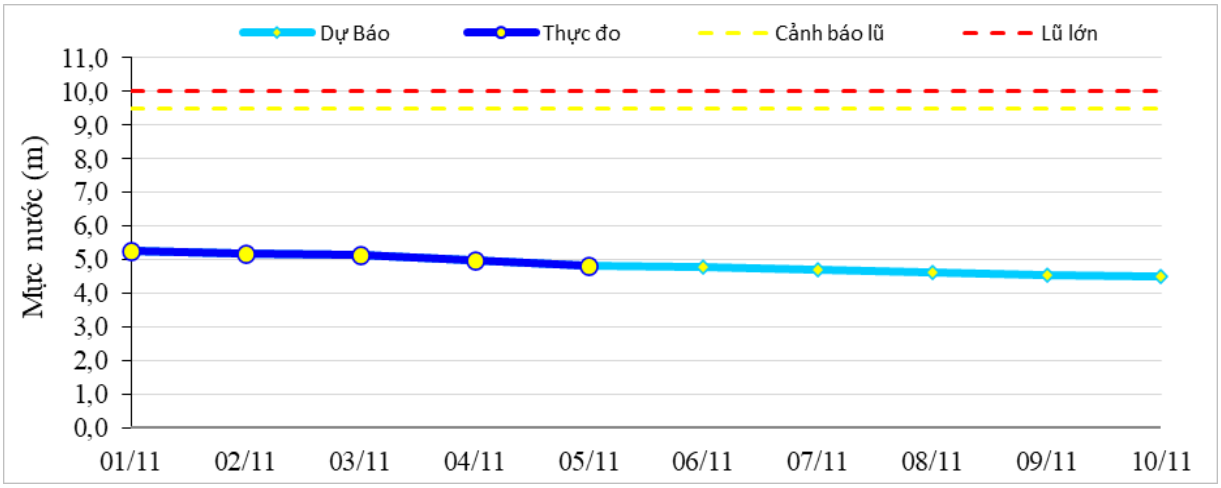
2.2 Dự báo mực nước thượng lưu

Trạm Kratie: Mực nước 7 giờ tại trạm Kratie trong 5 ngày tới có xu thế giảm với cường suất trung bình 5,5 cm/ngày, dự báo đến ngày 10/11/2026 đạt 9,26 m, thấp hơn nhiều mức cảnh báo lũ (22,00 m), [xem Hình 10].



Hình 10. Dự báo mực nước 5 ngày từ 06/11-10/11/2026 tại Kratie

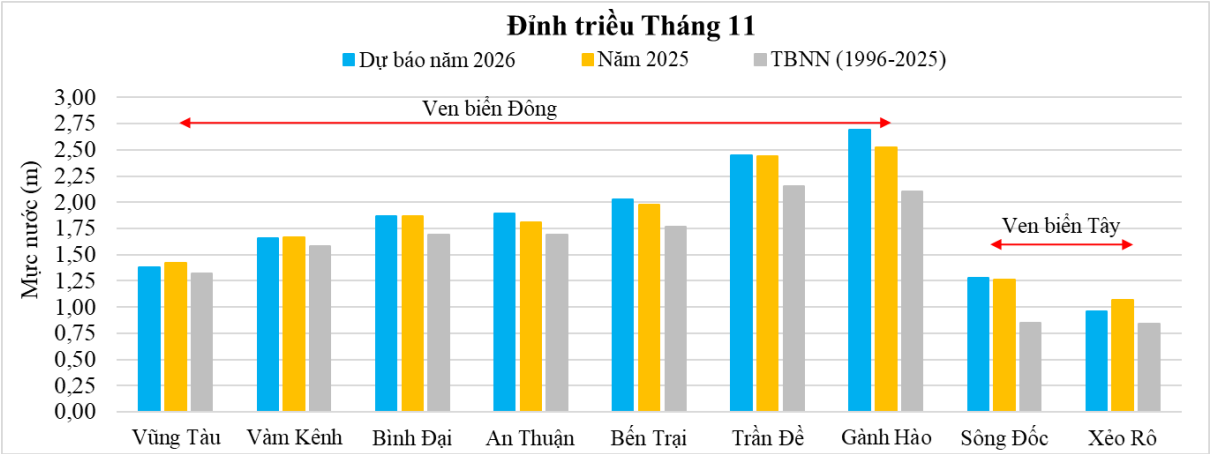
Trạm Prek Kdam: Mực nước 7 giờ tại trạm Prek Kdam trong 5 ngày tới có xu thế giảm với cường suất trung bình 7,0 cm/ngày, dự báo đến ngày 10/11/2026 đạt 4,48 m, thấp hơn nhiều mức cảnh báo lũ (9,50 m), [xem Hình 11].



Hình 11. Dự báo mực nước 5 ngày từ 06/11-10/11/2026 tại Prek Kdam

2.3 Dự báo mực nước thủy triều

Triều hiện đang ở mức thấp và dự báo có xu thế tăng trong tuần tới và đạt đỉnh kỳ triều cường vào ngày 11-13/11, sau đó giảm trở lại. Theo kết quả dự báo triều của viện Kỹ thuật Biển, đỉnh triều dự báo tháng 11 năm 2026 phổ biến cao hơn khá nhiều TBNN (1996-2025), xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ năm 2025. Cụ thể, cao hơn TBNN (1996-2025) bình quân khoảng 0,25 m, trong đó khu vực các trạm ven biển Đông cao hơn 0,24 m, khu vực các trạm ven biển Tây cao hơn 0,27 m. Cao hơn năm 2025 bình quân khoảng 0,02 m, trong đó khu vực các trạm ven biển Đông cao hơn 0,04 m, khu vực các trạm ven biển Tây thấp hơn khoảng 0,05 m, [xem Hình 12].



Hình 12. Mực nước dự báo Max tháng 11 năm 2026 và cùng kỳ các năm

Trong tháng 11 năm 2026 có 2 đợt triều cường. Đợt 1 đỉnh rơi vào các ngày giữa tháng từ ngày 11-13/11, đợt 2 đỉnh rơi vào các ngày cuối tháng từ ngày 25-27/11 là đỉnh cao nhất tháng, cao hơn khá nhiều so với đợt 1, [xem Bảng 9].

Bảng 9. Đặc trưng mực nước triều dự báo tháng 11 năm 2026

TT	Trạm	Đỉnh triều đợt 1 (m)	Ngày đạt	Đỉnh triều đợt 2 (m)	Ngày đạt
1	Vũng Tàu	1,15	10/11	1,38	25/11
2	Vàm Kênh	1,42	11/11	1,66	27/11
3	Bình Đại	1,65	11/11	1,87	27/11
4	An Thuận	1,61	11/11	1,89	27/11
5	Bến Trại	1,70	11/11	2,03	27/11
6	Trần Đề	2,06	13/11	2,45	26/11
7	Gành Hào	2,30	12/11	2,69	27/11
8	Sông Đốc	1,11	12/11	1,28	27/11
9	Xẻo Rô	0,76	11/11	0,96	27/11

Nguồn: Viện Kỹ thuật Biển

III DỰ BÁO MỰC NƯỚC NỘI ĐỒNG VÙNG ĐBSCL

3.1 Mạng lưới trạm dự báo

Tổng số các trạm dự báo mực nước trên vùng ĐBSCL là 70 trạm, gồm 4 trạm trên dòng chính và 66 trạm trong vùng nội đồng [xem Hình 13].

- Trạm Tân Châu (trên sông Tiền), Châu Đốc (trên sông Hậu), do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương thực hiện dự báo. Trạm Mỹ Thuận (trên sông Tiền) và Cần Thơ (trên sông Hậu) do Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam dự báo.

- Trong khu vực nội đồng gồm 66 trạm do Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam dự báo được chia thành 3 vùng:

+ Vùng Thượng ĐBSCL bao gồm 22 trạm

+ Vùng Giữa ĐBSCL bao gồm 25 trạm

+ Vùng Ven Biển bao gồm 19 trạm.



Hình 13. Bản đồ vị trí các trạm dự báo nguồn nước vùng ĐBSCL

3.2 Dự báo mực nước trong 10 ngày tới (từ ngày 05/11 đến 14/11/2026)

3.2.1 Vùng Thượng ĐBSCL

Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long tại trạm Tân Châu và Châu Đốc được dự báo có xu thế tăng trong 05 ngày tới. Đến ngày 09/11/2026, tại Tân Châu đạt 2,05 m, tại Châu Đốc đạt 2,13 m.

Dự báo 10 ngày tới, mực nước các trạm trên vùng Thượng biến đổi ở mức thấp và có xu thế giảm với cường suất trung bình 1,0 cm/ngày, chỉ một số trạm ảnh hưởng mạnh bởi triều có xu thế tăng nhẹ, [xem Bảng 10].

Bảng 10. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Thượng ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max dự báo	Xu thế
1	Tân Châu*	P. Tân Châu	An Giang	S. Tiền	2,00→2,05	↑
2	Châu Đốc*	P. Châu Đốc	An Giang	S. Hậu	2,09→2,13	↑
3	Sông Trăng	Hưng Điền	Tây Ninh	K. Sông Trăng	1,50→1,35	↓
4	Vàm Đồn	Khánh Hưng	Tây Ninh	K. Cái Cỏ	1,34→1,20	↓
5	Tân Hưng	Tân Hưng	Tây Ninh	K. Hồng Ngự - LA	1,57→1,40	↓
6	Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng	Tây Ninh	K. 28	1,54→1,40	↓
7	Mộc Hoá	Mộc Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,06→0,96	↓
8	Tuyên Nhơn	Thạnh Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	0,97→1,02	↑
9	T.Thới Hậu A	P. Thường Lạc	Đồng Tháp	S. Sở Thượng	1,97→1,90	↓
10	Dinh Bà	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Sở Hạ	1,69→1,63	↓
11	Tân Hồng	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	1,71→1,58	↓
12	Tân Công Sính	Tràm Chim	Đồng Tháp	K. Hồng Kỳ	1,69→1,56	↓
13	An Long	An Long	Đồng Tháp	K. Đồng Tiến	2,01→1,92	↓
14	Trường Xuân	Trường Xuân	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	1,55→1,42	↓
15	Mỹ An	Tháp Mười	Đồng Tháp	K. NV Tiếp	1,40→1,33	↓
16	Xuân Tô	P. Tịnh Biên	An Giang	K. Vĩnh Tế	1,19→1,10	↓
17	Khánh An	An Phú	An Giang	S. Bình Ghi	2,14→1,89	↓
18	Tri Tôn	Tri Tôn	An Giang	K. Tri Tôn	1,10→1,04	↓
19	Vàm Nao	Phú Tân	An Giang	S. Vàm Nao	1,95→1,84	↓
20	Long Xuyên	P. Long Xuyên	An Giang	S. Hậu	2,00→1,94	↓
21	Núi Sập	Thoại Sơn	An Giang	K. RG - Long Xuyên	1,25→1,18	↓
22	Vĩnh Điều	Giang Thành	An Giang	K. Vĩnh Tế	1,01→0,97	↓
23	Hòa Điền	Kiên Lương	An Giang	K. RG - Hà Tiên	0,42→0,56	↑
24	Ba Thê	Hòn Đất	An Giang	K. Ba Thê	1,17→1,08	↓

*Ghi chú: * số liệu dự báo của Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia*
Trong cột H_max dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.

3.2.2 Vùng Giữa ĐBSCL

Dự báo 10 ngày tới, mực nước các trạm có xu thế tăng với cường suất trung bình 2,0 cm/ngày và đạt đỉnh kỳ triều cường vào các ngày 11-13/11 phổ biến từ BĐII-BĐIII, trạm Cần Thơ mực nước đỉnh triều dự báo đạt mức BĐIII, trạm Mỹ Thuận (tỉnh Vĩnh Long) mực nước đỉnh triều dự báo vượt BĐIII 0,1 m. Nguy cơ

vẫn có thể xảy ra ngập úng trên các khu vực thấp trũng thuộc vùng Giữa trong kỳ triều cường giữa tháng 11 năm 2026, [xem Bảng 11].

Bảng 11. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Giữa ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max dự báo	Xu thế
1	Cần Thơ	P. Cái Khế	Cần Thơ	S. Hậu	1,66→2,00	↑
2	Mỹ Thuận	P. Tân Ngãi	Vĩnh Long	S. Tiền	1,60→1,90	↑
3	Tân Lập	Tân Long	Tây Ninh	K. Bo Bo	1,02→1,18	↑
4	Bến Lức	Bến Lức	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Đông	1,28→1,34	↑
5	Tân An	P. Long An	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,48→1,55	↑
6	Cai Lậy	Cai Lậy	Đồng Tháp	K. 12	1,35→1,42	↑
7	Long Định	Long Định	Đồng Tháp	K. Nguyễn Tấn Thành	1,09→1,24	↑
8	Mỹ Tho	P. Mỹ Tho	Đồng Tháp	S. Tiền	1,48→1,31	↓
9	Vàm Kênh	Gò Công Đông	Đồng Tháp	S. Cửa Tiểu	1,35→1,18	↓
10	Chợ Lách	Chợ Lách	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,51→1,68	↑
11	Mỹ Hóa	P. Bến Tre	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,44→1,29	↓
12	G1	Châu Thành	Vĩnh Long	S. Giao Hòa	1,55→1,41	↓
13	Cao Lãnh	Cao Lãnh	Đồng Tháp	S. Tiền	1,81→1,69	↓
14	Lai Vung	Lai Vung	Đồng Tháp	K. Hòa Long	1,83→1,99	↑
15	Ba Càng	Tam Bình	Vĩnh Long	S. Ba Càng	1,13→1,36	↑
16	G2	Quới An	Vĩnh Long	S. Măng Thít	1,63→1,72	↑
17	G3	Trà Ôn	Vĩnh Long	S. Măng Thít	1,54→1,68	↑
18	G4	Tân An	Vĩnh Long	S. An Trường	0,58→0,72	↑
19	Tân Hiệp	Tân Hiệp	An Giang	K. Cái Sắn	0,88→0,81	↓
20	Ô Môn	P. Ô Môn	Cần Thơ	K. Ô Môn	1,40→1,52	↑
21	Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	Cần Thơ	K. Thốt Nốt	1,10→1,16	↑
22	Vị Thanh	P. Vị Thanh	Cần Thơ	K. Xà No	0,88→0,93	↑
23	Phụng Hiệp	P. Ngã Bảy	Cần Thơ	S. Cái Côn	1,44→1,56	↑
24	Đại Ngãi	Long Phú	Cần Thơ	S. Hậu	1,18→1,33	↑
25	G5	P. Ngã Năm	Cần Thơ	K. QL - Phụng Hiệp	0,84→0,91	↑
26	Phước Long	Phước Long	Cà Mau	K. QL - Phụng Hiệp	1,00→1,03	↑
27	Giồng Riềng	Giồng Riềng	An Giang	K. Nước Mặn	0,69→0,75	↑

Ghi chú: Trong cột H_max dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.

3.2.3 Vùng Ven Biển ĐBSCL

Dự báo 10 ngày tới, mực nước các trạm trên vùng Ven Biển có xu thế tăng với cường suất trung bình 2,0 cm/ngày và đạt đỉnh kỳ triều cường vào các ngày giữa tháng 11 phổ biến xấp xỉ và trên BĐI. Chỉ riêng khu vực trạm Cà Mau mực nước duy trì ở mức cao trên BĐIII. Nguy cơ vẫn có thể xảy ra ngập úng trên các khu vực thấp trũng thuộc vùng Ven Biển trong kỳ triều cường giữa tháng 11 năm 2026, đặc biệt khu vực trung tâm TP. Cà Mau, [xem Bảng 12].

Bảng 12. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Ven Biển ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max dự báo	Xu thế
1	Bình Đại	Bình Đại	Vĩnh Long	S. Cửa Đại	1,49→1,32	↓
2	An Thuận	Tân Thủy	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,30→1,30	↑
3	Bến Trại	Thạnh Phong	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,41→1,49	↑
4	Trà Vinh	P. Hòa Thuận	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,58→1,68	↑
5	VB1	Đôn Châu	Vĩnh Long	K. Quan Chánh Bố	1,82→1,96	↑
6	Trần Đề	Trần Đề	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	1,92→2,08	↑
7	VB2	P. Khánh Hòa	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	1,48→1,66	↑
8	VB4	Giá Rai	Cà Mau	K. CM - Bạc Liêu	1,56→1,78	↑
9	VB3	P. Bạc Liêu	Cà Mau	S. Bạc Liêu	1,07→1,34	↑
10	Cà Mau	P. Lý Văn Lâm	Cà Mau	S. Gành Hào	1,10→1,24	↑
11	Năm Căn	Ngọc Hiển	Cà Mau	S. Cửa Lớn	1,19→1,40	↑
12	Sông Đốc	Trần Văn Thời	Cà Mau	S. Ông Đốc	0,90→1,19	↑
13	VB5	Thới Bình	Cà Mau	S. Trẹm	0,60→0,64	↑
14	Rạch Giá	P. Rạch Giá	An Giang	S. Kiên	0,63→0,72	↑
15	Xẻo Rô	Châu Thành	An Giang	S. Cái Lớn	0,58→0,91	↑
16	Vàm Răng	Hòn Đất	An Giang	K. RG - Hà Tiên	0,88→0,85	↓
17	Vàm Rầy	Hòn Đất	An Giang	K. HT - Rạch Giá	0,90→0,97	↑
18	VB7	An Minh	An Giang	K. Cán Gáo	0,52→0,56	↑
19	VB6	Vĩnh Thuận	An Giang	S. Cái Lớn	0,47→0,66	↑

Ghi chú: Trong cột H_max dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.

IV KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1 Kết luận

Hình thái thời tiết chủ đạo ảnh hưởng đến lưu vực hạ lưu sông Mê Công trong tuần qua là gió mùa Tây Nam gây mưa ở mức thấp trên lưu vực. Mực nước tại trạm Kratie trong tuần qua đã giảm xuống ở mức thấp, hiện thấp hơn nhiều TBNN và năm 2025, thấp hơn cùng kỳ năm 2015, chỉ cao hơn cùng kỳ năm 2019. Tổng lượng lũ tại Kratie từ đầu mùa lũ đến nay nhỏ hơn cùng kỳ TBNN khoảng 4%, nhỏ hơn cùng kỳ năm 2025 khoảng 23%, nhưng vẫn còn lớn hơn nhiều cùng kỳ năm 2019 và 2015.

Tuần qua, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long tại Tân Châu và Châu Đốc ở mức thấp và có xu thế giảm theo triều. Mực nước nội đồng vùng Thượng, vùng Giữa và vùng Ven Biển đều ở mức thấp và có xu thế giảm khá mạnh theo triều.

Mực nước dự báo 5 ngày tới trên dòng chính sông Mê Công tại trạm Kratie và trạm Prek Kdam đều có xu thế giảm; dung tích Biển Hồ trong 5 ngày tới có xu thế giảm; mực nước lớn nhất ngày tại Tân Châu và Châu Đốc dự báo trong 5 ngày tới có xu thế tăng nhẹ theo triều; mưa dự báo tuần tới trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công và ĐBSCL đều ở mức thấp; thủy triều dự báo có xu thế tăng trong tuần tới và đạt đỉnh kỳ triều cường giữa tháng 11 vào các ngày 11-13/11, sau đó giảm trở lại.

Trong 10 ngày tới, mực nước nội đồng vùng Thượng biến đổi ở mức thấp và có xu thế giảm, chỉ một số trạm ảnh hưởng mạnh bởi triều có xu thế tăng. Mực nước vùng Giữa có xu thế tăng và đạt đỉnh kỳ triều cường vào các ngày 11-13/11 phổ biến từ BĐII-BĐIII, một số trạm vượt BĐIII. Mực nước vùng Ven Biển có xu thế tăng và đạt đỉnh kỳ triều cường vào các ngày giữa tháng 11 phổ biến xấp xỉ và trên BĐI, chỉ riêng khu vực trạm Cà Mau mực nước duy trì ở mức cao trên BĐIII. Nguy cơ vẫn có thể xảy ra ngập úng trên các khu vực thấp trũng thuộc vùng Giữa và ven Ven Biển trong kỳ triều cường giữa tháng 11.

4.2 Kiến nghị

Kiến nghị các địa phương trên vùng Giữa và vùng Ven Biển ĐBSCL có địa hình thấp trũng cần đề phòng và chủ động các phương án ứng phó với nguy cơ ngập úng có thể xảy ra trong kỳ triều cường giữa tháng 11 từ ngày 11-13/11/2026. Đặc biệt trên địa bàn trung tâm TP. Cần Thơ, tỉnh Vĩnh Long (cũ), TP. Vị Thanh và huyện Phụng Hiệp thuộc tỉnh Hậu Giang (cũ), địa bàn huyện Phước Long và Tp. Cà Mau thuộc tỉnh Cà Mau (cũ).

Lũ đầu nguồn tiếp tục giảm xuống thấp, nên sản xuất trên vùng Thượng ĐBSCL đều thuận lợi, nhưng triều và mưa lớn cục bộ vẫn có nguy cơ ảnh hưởng đến sản xuất và dân sinh trên các khu vực thấp trũng trên địa bàn các tỉnh vùng Giữa và vùng Ven Biển từ nay đến cuối mùa lũ, đặc biệt trong kỳ triều cường giữa

và cuối tháng 11. Vì vậy, để có các thông tin kịp thời nhằm chủ động các phương án ứng phó, kiến nghị các địa phương vùng ĐBSCL cần phải theo dõi chặt chẽ các thông tin dự báo từ các tổ chức như MRC, Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, Dự báo nguồn nước vùng ĐBSCL của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam... để kịp thời xây dựng kế hoạch ứng phó phù hợp.

Thông tin chi tiết liên hệ:

- Chủ nhiệm dự báo: Nguyễn Huy Khôi - DĐ: 0913.106.641; Email: nhkhoihl@yahoo.com
- Dự báo viên: Trần Mạnh Thứ - DĐ: 0967.161.808; Email: manhthuwru@gmail.com
  Trần Đức Đông - DĐ: 0989.872.205; Email: tranducdongvn@yahoo.com.vn

Nơi nhận:
- Bộ NN&MT (để b/c);
- Trung tâm QH&ĐTTNNQG (để b/c);
- Cục QL&XDCTTL (để b/c);
- Sở NN&MT các tỉnh ĐBSCL;
- Chi cục Thủy lợi các tỉnh ĐBSCL;
- Phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các xã/phường thuộc các tỉnh ĐBSCL;
- Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam;
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu VPV (bộ phận Kế hoạch);
- Lưu P.KHCN&HTQT.

VIỆN TRƯỞNG